

Phần 24. BỆNH TINH THẦN, THẦN KINH

578. **Mắt ngủ:** *É minh, Ấn đường, Nội quan, Tam âm giao.*
579. **Mắt ngủ:** *An miên, Nội quan, Tam âm giao.*
580. **Mắt ngủ:** *Đại lăng, Bách hội, Ấn đường, Thái khê.*
581. **Hồi hộp:** *Giải khê, Dương cốc.*
582. **Mộng寐:** *Ấn bạch, Lệ đoài.*
583. **Tâm hoảng hốt:** *Cự khuyết, Thiên tinh, Tâm du.*
584. **Lười nói ham nằm:** *Thông lý, Thái xung.*
585. **Lười nói ham nằm:** *Đại chung, Thông lý.*
586. **Thần kinh suy nhược:** *Thiếu hải, An miên, Tam âm giao.*
587. **Thần kinh suy nhược:** *Thần môn, Tam âm giao.*
588. **Thần kinh suy nhược:** *Tâm du, Cự khuyết (thủy châm).*
589. **Thần kinh suy nhược:** *Quyết âm du, Tâm du, Can du, Thận du.*
590. **Rối loạn thần kinh thực vật:** *Dương trì, Nội quan, Túc tam lý.*
591. **Bệnh thần kinh chức năng (bệnh Hysteria):** *Nhân trung, Hợp cốc thẩu Lao cung.*
592. **Bệnh tâm tạng có nguồn gốc tại phế:** *Tâm du, Thần môn, Phong long.*
593. **Thần kinh thất thường, cao huyết áp, trẻ em kinh phong, chứng co giật, run rẩy:** *Hợp cốc, Thái xung (Tứ quan).*
594. **Thần kinh phân liệt:** *Đầu duy, và Hợp cốc thẩu Hậu khê, Thái xung thẩu Dũng tuyền.*
595. **Thần kinh phân liệt:** *An miên, Nhân trung, Đại chùy, Đào đạo.*
596. **Thần kinh phân liệt:** *Cự khuyết, Phong trì thẩu Phong trì, Nội quan, Túc tam lý.*
597. **Thần kinh phân liệt:** *Đại chùy, Đào đạo, Nhị chùy hạ (tức huyết vô danh), Thân trụ.*
598. **Di chứng não ngu dại:** *Não thanh, Phong trì, Đại chùy.*
599. **Di chứng não (do chấn thương) gây ra ngu ngốc:** *Á môn, Hưng phán, Nhân trung, Túc tam lý.*
600. **Bệnh lãnh cảm:** *Dũng tuyền, Nhân trung, Lao cung, huyết Hưng phán.*
601. **Điên giản (động kinh thể trầm uất):** *Chiếu hải, Cự khuyết, Phong long.*
602. **Điên giản (động kinh thể trầm uất):** *Phong trì, Yêu kỳ, Nhân trung, Nội quan.*
603. **Điên giản (động kinh thể trầm uất):** *Á môn, Nhân trung, Hậu khê, Phong long.*
604. **Điên giản (động kinh thể trầm uất):** *Cự khuyết, Đại chùy, Nhân trung, Yêu kỳ, Nội quan.*
605. **Điên giản (động kinh thể trầm uất):** *Châm Yêu kỳ, Điên giản huyết và dùng kim 3 cạnh chích ra máu xung quanh Trường cường cách 0,3 thốn.*

606. **Điên giản (động kinh thể trầm uất):** Đào đạo, Yêu kỳ, Nhân trung, Nội quan, Phong long.
607. **Điên giản (động kinh thể thao cuồng):** Thân mạch, Thái Khê.
608. **Điên giản (động kinh thể thao cuồng):** Khâu khư, Phong long.
609. **Động kinh:** Thần môn, Hậu Khê, Cưu vĩ.
610. **Điên cuồng, động kinh:** Cự khuyết, Thần khuyết, Hậu Khê.
611. **Trẻ em kinh phong:** Ủy trung, Thiếu thương, Nhân trung.
612. **Uôn ván:** Á môn, Đại chùy, Cân súc, Yêu Dương quan, Nhân trung, Hậu Khê, Thân mạch.
613. **Tự nhiên cuồng:** Gian sử, Hậu Khê, Hợp cốc.
614. **Phát cuồng đi, chạy:** Thần môn, Thượng quản.